

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 273/2020/DS-PT

Ngày 13-8-2020

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất
và bồi thường thiệt hại xây dựng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng
Ông Lê Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An: Bà Nguyễn Thị Duyên
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 06 và 13 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 01 năm 2020 về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại xây dựng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 68/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2020/QĐ-PT ngày 30 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đặng Văn D, sinh năm 1970; Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phạm Thị L – Văn phòng luật sư N thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Long An (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị M, sinh năm 1948; Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Giấy ủy quyền ngày 08/6/2020): Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1973; Địa chỉ cư trú: Khu 8, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Trương Thị N, sinh năm 1977; Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Đặng Văn D, nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/8/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/08/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Đặng Văn D trình bày:

Thửa đất số 96 tờ bản đồ số 1 diện tích 124m² loại đất lúa đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C cấp giấy chứng nhận (GCN) quyền sử dụng đất (QSDĐ) số: AC 027892 ngày 07/02/2005 cho ông Đặng Văn D. Thửa đất số 96 có hướng đông giáp với thửa đất số 867, tờ bản đồ số 1, diện tích 143m², loại đất ở nông thôn do UBND huyện C cấp GCN QSDĐ số: AC 475369 ngày 10/8/2003 cho bà Phạm Thị M. Tháng 10 năm 2015 bà M xây nhà kết cấu bê tông cốt thép 1 trệt 1 lầu diện tích xây dựng 88,25m² trên thửa đất số 867. Thửa đất số 96 và 867 đều tọa lạc tại Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Năm 2017 ông D khởi công xây dựng nhà trên thửa đất 96, đã tiến hành thi công phần bê tông cốt thép trụ đà và khi chuẩn bị đổ cột, xây tường phần trên thì phát hiện nhà bà M bị nghiêng lấn chiếm không gian thửa đất số 96 với kích thước ngang 0,1 x dài 17m, diện tích 1,7m² nên ông D và công thợ xây dựng ngưng thi công từ tháng 07 năm 2017.

Vì vậy, ông D khởi kiện yêu cầu bà M phải tháo dỡ công trình nhà trả lại cho ông D diện tích đất bị lấn chiếm 1,7m². Đồng thời, thời gian ngưng thi công lâu, bị thiệt hại nên ngày 22/8/2019 ông D khởi kiện bổ sung yêu cầu bà M phải bồi thường 276.845.000đ bao gồm các khoản ông D bị thiệt hại là: tiền mua vật liệu xây dựng 98.845.000đ, tiền công thợ phải trả 42.000.000đ, tiền bị phạt do vi phạm hợp đồng 80.000.000đ, tiền chi phí thuê nhà 56.000.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị N trình bày: Bà là vợ của ông Đặng Văn D, thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông D.

Tại đơn trình bày ngày 07/10/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Phạm Thị M và người đại diện theo ủy quyền bà Vòng Xích P trình bày:

Vào tháng 10 năm 2015 bà M tháo dỡ nhà cũ đã xuống cấp để xây dựng nhà mới trên thửa đất số 867 tờ bản đồ số 1 diện tích 143m², qui mô xây dựng 1 trệt 1 lầu, diện tích xây dựng 88,25m². Sau khi xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng, công trình nhà của bà M đảm bảo cân đối không có độ nghiêng. Năm 2017 ông D xây nhà thi công xây đà móng bê tông cạnh nhà bà M làm cho nhà bà M bị nghiêng lấn chiếm không gian qua nhà ông D với kích thước ngang 0,1m x dài 17m, diện tích 1,7m². Do nhà ở bên cạnh nhau bà M không yêu cầu phản tố bồi thường phần nhà bị nghiêng trong vụ án này. Bà M đồng ý bồi thường phần diện tích không gian nghiêng qua theo thẩm định giá, không đồng ý bồi thường thiệt hại xây dựng do phía ông D tự ngưng thi công và chưa xác định được nguyên nhân làm cho nhà bà M bị nghiêng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C căn cứ Điều 175, 177 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, 35, 92, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn D “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại xây dựng*” đối với bà Phạm Thị M.

Buộc bà Phạm Thị M hoàn trả cho ông Đặng Văn D giá trị một phần thửa đất số 96, tờ bản đồ số 1, diện tích 1,7m² (gồm khu C diện tích 0,3m², khu D diện tích 1,4m²) thành tiền 3.746.800đ.

2. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại xây dựng của ông Đặng Văn D đối với bà Phạm Thị M với số tiền 276.845.000đ.

Ông Đặng Văn D và bà Phạm Thị M được quyền đăng ký điều chỉnh biên động quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án; chi phí tố tụng; án phí; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 05/12/2019, ông Đặng Văn D làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, cụ thể ông D yêu cầu bà M: phải trả lại cho ông D diện tích lấn chiếm 1,7m²; khắc phục xây dựng sai kỹ thuật; bồi thường thiệt hại cho ông D do công trình của bà M gây ra.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Đặng Văn D không rút đơn khởi kiện và xác định lại yêu cầu kháng cáo như sau: yêu cầu bà M bồi thường thiệt hại phần đất bị lấn chiếm 1,7m² trị giá thành tiền là 96.092.800đ; yêu cầu bà M bồi thường chi phí công trình xây dựng 56.171.014đ; yêu cầu bà M bồi thường tiền thuê nhà 25 tháng x 02 triệu đồng/tháng = 50 triệu đồng; yêu cầu bà M bồi thường cho ông D số tiền ông D bị phạt do vi phạm hợp đồng là 80 triệu đồng. Tổng cộng ông D yêu cầu bà M bồi thường 282.264.000đ. Các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và có ý kiến trình bày như sau:

Luật sư Phạm Thị L và ông Đặng Văn D thống nhất trình bày:

Theo hồ sơ bản vẽ xin phép công trình nhà ở của bà M thì móng cọc bê tông cốt thép, theo báo cáo kết quả giám định chất lượng công trình xây dựng thì nhà ở của bà M bị nghiêng về phía nhà ông D, phần móng bê tông cốt thép trên nền đất gia cố cừ tràm, phía bị đơn cũng thừa nhận móng cọc bằng cừ tràm. Vì vậy đủ cơ sở xác định bà M là người có lỗi gây ra thiệt hại cho ông D, nay căn cứ vào tình hình thực tế ông D không yêu cầu tháo dỡ nhà trả lại phần đất bị mất mà chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại là phù hợp, có lợi cho bà M nên đề nghị chấp nhận yêu cầu này của ông D. Việc bà M cho rằng do ông D đóng cừ tác động đến móng nhà của bà M làm nhà của bà bị nghiêng nhưng bà không có yêu

cầu giám định việc đóng cừ và móng nhà của ông D nên lời trình bày này là không có căn cứ.

Ông D yêu cầu tiền thuê nhà 02 triệu đồng/tháng trong thời hạn 25 tháng, đã trừ thời gian xây nhà 3 tháng là phù hợp và không ai phản đối về giá thuê nên đề nghị được chấp nhận. Về tiền phạt vi phạm hợp đồng 80 triệu đồng, xét hợp đồng thỏa thuận thời gian thi công là 03 tháng, ông D đã đặt cọc trước cho bên nhận thi công nhưng nhà bà M bị nghiêng không thi công được nên ông D bị mất cọc vì vậy đề nghị chấp nhận yêu cầu này của ông D.

Ông Huỳnh Văn T trình bày: Theo báo cáo kết quả giám định không có kết luận về nguyên nhân nhà bị nghiêng nên cần phải có giám định về việc này mới có cơ sở xác định lỗi thuộc về ai để bồi thường. Nhà của bà M xây dựng trước, nhà của ông D xây dựng sau, giáp hông nhà của bà M là 02 căn nhà nhưng lại nghiêng qua nhà ông D, điều này cho thấy do ông D đóng cừ làm móng đã tác động làm nhà bà M bị nghiêng. Khi chưa biết nguyên nhân nghiêng mà ông D yêu cầu bồi thường thiệt hại là không phù hợp, bà M không có yêu cầu phản tố vì chỗ xóm giềng nhưng bà cũng có thể khởi kiện ông D bằng vụ kiện khác. Cấp sơ thẩm xử buộc bà M trả ông D 3.746.800đ vì bà M sử dụng phần đất 1,7m² là phù hợp nên đề nghị bác kháng cáo, giữ y án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tính hợp lệ của kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông D làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết yêu cầu kháng cáo: Theo hồ sơ bản vẽ xin phép công trình nhà ở của bà M thì móng cọc bê tông cốt thép, theo báo cáo kết quả giám định chất lượng công trình xây dựng thì nhà ở của bà M bị nghiêng về phía nhà ông D, phần móng bê tông cốt thép trên nền đất gia cố cừ tràm, phía bị đơn cũng thừa nhận móng cọc bằng cừ tràm. Vì vậy, việc nhà bà M bị nghiêng qua phần đất của ông D 1,7m² là lỗi của bà M. Ông D thay đổi yêu cầu kháng cáo, chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại bằng tiền đối với phần đất bị mất 1,7m² trị giá 96.092.800đ (ông D không yêu cầu tháo dỡ nhà trả lại phần đất bị mất), bồi thường chi phí công trình xây dựng 56.171.014đ là phù hợp, có lợi cho bà M nên đề nghị chấp nhận yêu cầu này của ông D. Về yêu cầu bồi thường tiền thuê nhà 50 triệu đồng và tiền phạt do ông D vi phạm hợp đồng 80 triệu đồng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về tố tụng:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định thẩm quyền Tòa án giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp là phù hợp với quy định tại Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, bản án sơ thẩm đảm bảo thủ tục tố tụng.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người tham gia tố tụng có mặt đầy đủ, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo trình tự phúc thẩm quy định tại Điều 294, 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đặng Văn D xác định lại yêu cầu kháng cáo như trên, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét giải quyết các yêu cầu kháng cáo này của ông D.

[4] Xét kháng cáo của ông D thấy rằng:

[5] Theo Hồ sơ bản vẽ xin phép công trình nhà ở của bà M do Công ty TNHH dịch vụ xây dựng N thiết kế thì móng cọc bê tông cốt thép có kích thước 250 x 250mm, cọc dài 22,7m nhưng theo Báo cáo kết quả giám định chất lượng công trình xây dựng ngày 09/11/2018 kết luận nhà ở của bà M bị nghiêng về phía nhà ông D, phần móng bê tông cốt thép trên nền đất gia cố cừ tràm, phía bị đơn cũng thừa nhận móng cọc bằng cừ tràm. Tại Mẫu trích đo địa chính ngày 26/6/2018 thể hiện diện tích đất của ông D bị mất do nhà của bà M nghiêng qua là 1,7m². Vì vậy đủ cơ sở xác định nhà của bà M xây không đúng bản vẽ thiết kế từ cọc bê tông cốt thép có kích thước 250 x 250mm x dài 22,7m xuống còn cừ tràm, không đủ khả năng chịu tải dẫn đến nhà bị nghiêng.

[6] Phía bà M cho rằng do ông D đào móng đóng cừ tác động đến nền móng nhà bà M làm cho nhà bà bị nghiêng là lỗi của bên ông D. Tuy nhiên, đây chỉ là lời trình bày không có gì chứng minh trong khi ông D xây nhà cấp 4 thì việc đào móng đóng cừ tràm sẽ không ảnh hưởng làm nhà bà M bị nghiêng nếu phần móng cọc nhà bà M làm đúng bản vẽ thiết kế, đảm bảo chất lượng công trình.

[7] Với các căn cứ trên, có cơ sở xác định nguyên nhân nhà bà M bị nghiêng qua phần đất thửa số 96 của ông D là do bà M thi công công trình không đảm bảo chất lượng, lỗi thuộc về bà M nên phải có trách nhiệm bồi thường cho ông D.

[8] Theo đó, ông D yêu cầu bồi thường giá trị chênh lệch thửa đất 96 (trước và sau khi bị ảnh hưởng do công trình bên cạnh bị nghiêng diện tích 1,7m²) là 96.092.800đ; chi phí công trình xây dựng 56.171.014đ. Xét thấy, các thiệt hại này đã có chứng thư thẩm định giá nên yêu cầu này của ông D là có căn cứ chấp nhận.

[9] Về yêu cầu bồi thường tiền thuê nhà là 50 triệu đồng với thời hạn 25 tháng, mỗi tháng 2 triệu đồng, xét thấy nhà ông D xây là nhà cấp 4, theo xác nhận của đơn vị thi công và theo thông lệ thì thời gian thi công là khoảng 3 tháng. Tại đơn khởi kiện ông D yêu cầu bồi thường 28 tháng tiền thuê nhà tính từ ngày khởi công (06/7/2017) đến hết tháng 10/2019 là 56 triệu đồng. Tuy

nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông D chỉ yêu cầu bồi thường tiền thuê nhà 25 tháng là 50 triệu (vì trừ 3 tháng thi công nhà) và xét thấy việc thuê nhà ở của ông D để xây dựng nhà là thực tế nhưng đến nay công trình nhà ở của ông D chưa hoàn thành để ở, gia đình ông D tiếp tục thuê nhà ở cũng là thực tế, có xác nhận của chủ nhà cho thuê ông Trương Văn T và những người làm chứng là ông Đỗ Văn P, ông Hồ Văn U và ông Nguyễn Thanh H (có chứng thực của chính quyền địa phương). Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của ông D buộc bà M phải bồi thường 50 triệu đồng tiền thuê nhà.

[10] Đối với yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng 80 triệu đồng, xét thấy việc thi công không đúng hạn là do sự cố khách quan, bất khả kháng, không phải lỗi của ông D nên ông D không có trách nhiệm bồi thường cho đơn vị thi công. Việc đơn vị thi công giữ số tiền của ông D đã giao trước đó thì ông D có quyền yêu cầu hoàn trả hoặc khởi kiện bằng vụ án khác nếu không thỏa thuận được. Do vậy, ông D yêu cầu bà M bồi thường thiệt hại cho ông do ông bị đơn vị thi công phạt vi phạm hợp đồng là không phù hợp nên không chấp nhận yêu cầu này của ông D.

[11] Từ những căn cứ trên, có cơ sở sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện của ông D với số tiền là 202.264.000đ.

[12] Các phần khác không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

[13] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đặng Văn D.

Sửa Bản án sơ thẩm số: 68/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C.

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 148, 157, 161, 165, 483 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 175, 584, 585, 589, 605 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12, 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn D.

Buộc bà Phạm Thị M phải bồi thường thiệt hại cho ông Đặng Văn D với số tiền tổng cộng là 202.264.000đ (Hai trăm lẻ hai triệu hai trăm sáu mươi bốn ngàn đồng) [gồm: Giá trị chênh lệch thửa đất 96 (trước và sau khi bị ảnh hưởng do công trình bên cạnh bị nghiêng diện tích 1,7m²) là 96.092.800đ; chi phí công trình xây dựng 56.171.014đ; tiền thuê nhà là 50 triệu đồng].

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian còn phải thi hành, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn D về việc yêu cầu bà Phạm Thị M bồi thường thiệt hại cho ông D (do ông D vi phạm hợp đồng thi công bị phạt) là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng).

3. Bà Phạm Thị M có quyền sử dụng phần đất 1,7m² thuộc một phần thửa đất số 96, tờ bản đồ số 1 (khu C diện tích 0,3m², khu D diện tích 1,4m²) tại Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Bà Phạm Thị M và ông Đặng Văn D có quyền, trách nhiệm liên hệ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai đăng ký, điều chỉnh biên động, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật tương ứng với diện tích đất 1,7m² nêu trên.

4. Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ, giám định ở cấp sơ thẩm là 26.825.000đ; chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ở cấp phúc 4.900.000đ. Tổng cộng là 31.725.000đ.

Bà Phạm Thị M phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 31.725.000đ; ông Đặng Văn D đã nộp tạm ứng 31.725.000đ nên bà M phải hoàn trả cho ông D 31.725.000đ (Ba mươi một triệu bảy trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

5. Về án phí sơ thẩm:

Bà Phạm Thị M được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đặng Văn D phải chịu 4.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0000333 ngày 27/9/2017 và 7.271.000đ theo biên lai số 0001544 ngày 23/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên ông D được hoàn trả 3.571.000đ (Ba triệu năm trăm bảy mươi một ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm.

6. Về án phí phúc thẩm: Ông Đặng Văn D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả cho ông D 300.000đ (Ba trăm đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0001986 ngày 06/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND huyện;
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- Chi cục THADS huyện;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tấn Quốc